

Bản án số: 16/2023/KDTM-ST

Ngày: 07/09/2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hồ Việt Cường**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Vũ Văn Nở**

Bà **Nguyễn Thị Lý**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Vân** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà **Võ Thị Lựu** – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 54/2022/TLST-KDTM ngày 30/11/2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐXXST-KDTM ngày 02 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2023/QĐST-KDTM ngày 21 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH Một thành viên A

Địa chỉ: Trần Phú, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Đại diện theo ủy quyền là Văn phòng Luật sư Đào Nguyên do ông **Nguyễn Văn H** – Trưởng văn phòng làm đại diện (Văn bản ủy quyền đại diện pháp lý số 115/2022/DNLAW ngày 11/05/2022 của ông **Phạm Hồng N** – Giám đốc), địa chỉ: Căn hộ , đường Nguyễn Xiển, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội. Ông Nguyễn Văn H có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Công ty Cổ phần Phát triển B

Địa chỉ: Biệt Thự, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Đại diện theo pháp luật là ông **Vũ Xuân H** – Giám đốc. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/06/2022 và tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn H là đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngày 22 tháng 6 năm 2015, Công ty TNHH Một thành viên A (gọi tắt là Công ty A và Công ty Cổ phần Phát triển B (gọi tắt là Công ty B) đã ký hợp đồng thi công xây dựng công trình Số 029/2015/HĐXD/CPPTNT-ACCNT về việc “Thi công công trình sân bay thuộc dự án xây dựng doanh trại, cơ sở hạ tầng kỹ thuật bảo đảm hoạt động huấn luyện eKQ920/Trường SQKQ/Quân chủng PK-KQ” với tổng giá trị theo hợp đồng là: 7.797.784.000 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty A và Công ty B có ký các Phụ lục hợp đồng: Số 029b/2015/HĐXD/CPPTNT-ACCNT ngày 31/10/2015 và Số

029c/2015/HĐXD/CPPTNT-ACCNT ngày 28/06/2016 nhằm điều chỉnh giá trị hợp đồng và tiến độ thực hiện hợp đồng; Cụ thể Giá trị hợp đồng sau khi điều chỉnh là 9.766.670.000 đồng.

Sau khi ký hợp đồng, Công ty A đã hoàn thành việc xây lắp công trình theo hợp đồng và các phụ lục hợp đồng, các bên đã tiến hành bàn giao công trình và ký Biên bản thanh lý hợp đồng với giá trị quyết toán số tiền Công ty B phải trả cho Công ty A số tiền là: 8.242.459.000 đồng.

Sau khi hai bên ký các Biên bản bàn giao công trình cũng như hồ sơ quyết toán toàn bộ số tiền thì Công ty B không thanh toán toàn bộ số tiền cho Công ty A mà thanh toán nhỏ giọt. Tính đến ngày 04/01/2022, Công ty B còn nợ Công ty A số tiền là 925.651.725 đồng (Chín trăm hai mươi năm triệu sáu trăm năm mươi một nghìn bảy trăm hai mươi năm đồng). Công ty A đã nhiều lần yêu cầu Công ty B trả hết số tiền còn lại nhưng Công ty B không thực hiện, đã gây thiệt hại và ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh của Công ty A.

Nay, Công ty A yêu cầu công ty B phải thanh toán cho Công ty A số tiền 925.651.725 đồng và không yêu cầu tiền lãi chậm trả.

- Bị đơn: Công ty Cổ phần Phát triển B không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong quá trình tiến hành tố tụng các văn bản của Tòa án.

*** Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa:**

- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận. Công ty Cổ phần Phát triển B phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH Một thành viên A số tiền 925.651.725 đồng (Chín trăm hai mươi năm triệu sáu trăm năm mươi một nghìn bảy trăm hai mươi năm đồng).

- Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo qui định. Hoàn lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của nguyên đơn đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào Công văn số 56/P.ĐKKD-T6 ngày 26 tháng 4 năm 2023 về việc cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Phát triển B của Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần của Công ty Cổ phần Phát triển B, mã số doanh nghiệp: 4201605884, đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 7 năm 2014 và ông Vũ Xuân H – Giám đốc đại diện theo pháp luật của Công ty.

Tòa án đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án đã nhiều lần tiến hành triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng cho Công ty Cổ phần Phát triển B, ông Vũ Xuân H là đại diện hợp pháp của bị đơn nhưng ông H vẫn vắng mặt không có lý do tại các phiên họp kiểm tra việc công khai, tiếp cận, giao nộp, chứng cứ và hòa giải, đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và đã tổng đạt hợp lệ nhưng ông H vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Hợp đồng thi công xây dựng công trình Số 029/2015/HĐXD/CPPTNT-ACCNT về việc “Thi công công trình sân bay thuộc dự án xây dựng doanh trại, cơ sở hạ tầng kỹ thuật bảo đảm hoạt động huấn luyện eKQ920/Trường SQKQ/Quân chủng PK-KQ” ngày 22 tháng 6 năm 2015 và các Phụ lục hợp đồng: Số 029b/2015/HĐXD/CPPTNT-ACCNT ngày 31/10/2015 và Số 029c/2015/HĐXD/CPPTNT-ACCNT ngày 28/06/2016, giữa: Công ty ACC Nha Trang và Công ty Nha Trang phù hợp với qui định tại các Điều 138, 139, 140, 141, 142, 143, 144, 145, 146, 147 của Luật xây dựng.

[3] Căn cứ vào Hồ sơ quyết toán; Biên bản xác nhận kiểm toán ngày 20/02/2019; Hóa đơn giá trị gia tăng; Biên bản xác nhận công nợ ngày 04/01/2022 do Công ty A là nguyên đơn cung cấp, chứng minh trong quá trình thực hiện hợp đồng, thể hiện: Công ty A đã hoàn thành việc “Thi công công trình sân bay thuộc dự án xây dựng doanh trại, cơ sở hạ tầng kỹ thuật bảo đảm hoạt động huấn luyện eKQ920/Trường SQKQ/Quân chủng PK-KQ” với số tiền là 8.227.641.000 đồng. Tính đến ngày 04/01/2022, Công ty Nha Trang đã thanh toán cho Công ty ACC Nha Trang 7.301.989.275 đồng, còn nợ lại số tiền 925.561.725 đồng đã được hai bên xác nhận công nợ ngày 04/01/2022.

Công ty A đã nhiều lần yêu cầu Công ty B trả hết số tiền còn lại nhưng Công ty B không thực hiện, đã gây thiệt hại và ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh của Công ty A.

Nay, Công ty A yêu cầu Công ty B phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty A số tiền 925.651.725 đồng (Chín trăm hai mươi năm triệu sáu trăm năm mươi một nghìn bảy trăm hai mươi năm đồng) và không yêu cầu tiền lãi chậm trả là có căn cứ chấp nhận theo Điều 147 của Luật Xây dựng.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí Tòa án;

Công ty Nha Trang phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm của số tiền 925.651.725 đồng là: $36.000.000đ + \{(925.651.725đ - 800.000.000đ) \times 3\%\} = 39.769.552$ đồng.

Hoàn lại cho Công ty ACC Nha Trang 19.885.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 30, Điều 35, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ vào các Điều 138, 139, 140, 141, 142, 143, 144, 145, 146, 147 của Luật xây dựng;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Công ty Cổ phần Phát triển Bphải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH Một thành viên Asố tiền 925.651.725 đồng (Chín trăm hai mươi năm triệu sáu trăm năm mươi một nghìn bảy trăm hai mươi năm đồng).

2. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của luật thi hành án dân sự.

3. Án phí: Công ty Cổ phần Phát triển B phải nộp 39.769.552 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn lại cho Công ty TNHH Một thành viên A 19.885.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0010711 ngày 29/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nha Trang.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND Tp. Nha Trang;
- THADS Tp. Nha Trang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hồ Việt Cường